

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ)
A.	TỔNG SỐ THU, CHI HỌC PHÍ VÀ THU SỰ NGHIỆP KHÁC				
I.	Số thu học phí và thu sự nghiệp khác	2.736.381.000	1.802.690.500	66%	37416%
1	Số thu Học phí	1.057.131.000	713.490.500	67%	29507%
2	Số thu sự nghiệp khác	1.679.250.000	1.089.200.000	65%	45383%
	Chăm sóc Bán trú	803.250.000	425.700.000	53%	23650%
	Trông giữ ngày thứ 7	337.500.000	197.050.000	58%	65683%
	Học phẩm	89.250.000	81.150.000	91%	54100%
	TTBPV Bán trú	89.250.000	81.300.000	91%	54200%
	Học hè	360.000.000	304.000.000	84%	
II.	Số chi học phí và thu sự nghiệp khác	2.736.381.000	1.686.909.700		1923%
1	Số chi từ nguồn thu Học phí	1.057.131.000	402.519.950	38%	472%
2	Số chi từ hoạt động sự nghiệp khác	1.679.250.000	1.284.389.750	76%	53516%

	Chăm sóc Bán trú	803.250.000	474.900.000	59%	26383%
	Trông giữ ngày thứ 7	337.500.000	217.169.750	64%	72390%
	Học phẩm	89.250.000	76.834.668	86%	51223%
	TTBPV Bán trú	89.250.000	80.285.332	90%	0%
	Học hè	360.000.000	435.200.000	121%	
B	DỰ TOÁN CHI NSNN	5.693.000.000	1.188.685.367		
1	Chi quản lý hành chính		0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.693.000.000	2.942.556.524	52%	119%
3,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.693.000.000	2.942.556.524	52%	133%
*	Chi thanh toán cá nhân	4.525.162.200	2.456.698.823	54%	133%
6000	Tiền lương	2.148.639.600	1.113.337.631	52%	149%
6050	Tiền công	510.652.800	312.931.317	61%	124%
6100	Các khoản phụ cấp theo lương	1.075.259.440	535.011.435		
6300	Các khoản trích nộp theo lương	790.610.360	340.418.440	43%	102%
6404	Thu nhập khác		155.000.000		171%
*	Chi về hàng hóa, dịch vụ	1.069.837.800	391.416.201	37%	112%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	280.400.000	127.943.527	46%	832%
6550	Văn phòng phẩm	133.172.000	8.633.000	6%	
6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	119.700.000	1.870.594	2%	97%
6650	Hội nghị	19.950.000	0		
6700	Khoản công tác phí	26.400.000	13.200.000		
6750	Chi phí thuê mướn		0		
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	66.615.800	18.326.000		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	395.600.000	221.443.080		
7050	Mua sắm tài sản vô hình	28.000.000	0		
*	Chi khác	98.000.000	0		
7750	Chi khác	98.000.000	0		

YÊN G
RƯỜNG
MÃM NƠ
HỊ TRẦN TRẦN
10 *

3,2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ-CCTL		0		
3,3	Kinh phí không tự chủ(02.12)		0		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		94.441.500		
3,4	Kinh phí không tự chủ- KPCCTL	0	0		
6000	Tiền lương		0		0%
6300	Các khoản trích nộp theo lương		0		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Diệu Anh



Trâu Quỳ, ngày 06 tháng 01 năm 2023

**THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-Cp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8899/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND Huyện Gia Lâm về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Gia Lâm;

Căn cứ vào thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ số liệu thực hiện thu, chi ngân sách của trường 6 tháng cuối năm 2022 đã đối chiếu khớp đúng với kho bạc Nhà nước huyện Gia Lâm. Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳ thuyết minh về thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 với những nội dung cụ thể như sau:

A. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

I/ Dự toán thu 6 tháng cuối năm 2022

1. Thu phí, lệ phí : 714.490.5000đ .

- Thu học phí 6 tháng cuối năm 2022 thu được: 714.490.500đ (bảy trăm mười bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng .) Đạt 68% so với dự toán đầu năm 2022.

2. Thu sự nghiệp khác tổng thu được 1.089.200.000đ

- Thu tiền chăm sóc bán trú thu được: 425.700.000đ (Bốn trăm hai năm triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn) Đạt 53% so với dự toán đầu năm 2022.

- Thu tiền trông giữ ngày thứ 7 thu được: 197.050.000đ (Một trăm chín bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) Đạt 58% so với dự toán đầu năm 2022.

- Thu tiền Học phẩm được: 81.150.000đ (Tám một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.) Đạt 91% so với dự toán đầu năm 2022.
- Thu tiền trang thiết bị phục vụ bán trú được: 81.300.000đ (Một trăm linh bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.) Đạt 91% so với dự toán đầu năm 2022.
- Thu tiền học hè được: 304.000.000đ (Ba trăm linh tư triệu đồng chẵn) Đạt 84% so với dự toán đầu năm 2022.

II/ Dự toán chi 6 tháng cuối năm 2022

1. Chi từ nguồn thu phí được để lại

- Chi thực hiện chế độ tự chủ chi: 402.519.950 (Bốn trăm linh hai triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm lăm mươi đồng) Đạt 38% so với dự toán đầu năm 2022.

2. Chi từ hoạt động sự nghiệp khác chi 1.284.389.750đ.

- Chi từ nguồn chăm sóc bán trú chi 474.900.000đ (Bốn trăm bảy bốn triệu ba trăm tám chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng) Đạt 59% so với dự toán đầu năm 2022.
- Chi từ nguồn trông giữ ngày thứ 7 chi 217.169.750đ (Hai trăm mười bảy triệu một trăm sáu chín nghìn bảy trăm lăm mươi đồng.) Đạt 64% so với dự toán đầu năm 2022.
- Chi từ nguồn học phẩm chi 76.834.668đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm ba tư nghìn sáu trăm sáu tám đồng) Đạt 86% so với dự toán đầu năm 2022.
- Chi từ nguồn trang thiết bị phục vụ bán trú chi 80.285.332đ (Tám mươi triệu hai trăm tám năm nghìn ba trăm ba hai đồng chẵn) Đạt 90% so với dự toán đầu năm 2022.
- Chi từ nguồn học hè 435.200.000đ (Bốn trăm ba năm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) Đạt 121% so với dự toán đầu năm 2022..

B. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Chi từ nguồn ngân sách cấp chi 2.942.556.524 đạt 52% so với dự toán đầu năm.

1.1 Nguồn tự chủ chi 2.942.556.524 đạt 52% so với dự toán đầu năm.

- Chi thanh toán cá nhân chi 2.456.698.823đ (Hai tỉ bốn trăm năm sáu triệu sáu trăm chín tám nghìn tám trăm hai ba đồng) đạt 52% so với dự toán đầu năm.
- Chi thanh toán dịch vụ công cộng chi 127.943.527đ (Một trăm hai bảy triệu chín trăm bốn ba nghìn năm trăm hai bảy đồng) đạt 46% so với dự toán đầu năm.
- Chi vật tư văn phòng chi 8.633.000đ (Tám triệu sáu trăm ba ba nghìn đồng chẵn) đạt 6% so với dự toán đầu năm.



- Chi Thông tin, tuyên truyền, liên lạc chi 1.870.594đ (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn năm trăm chín tư đồng) đạt 2% so với dự toán đầu năm.
- Chi khoán công tác phí chi 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) đạt 50% so với dự toán đầu năm.
- Chi sửa chữa thường xuyên chi 18.326.000đ (Mười tám triệu ba trăm hai sáu nghìn đồng chẵn) đạt 27% so với dự toán đầu năm.

1.2 Nguồn không tự chủ cấp bù học phí chuyển sang nguồn học phí: 509.368.500

Trên đây là một số nội dung thuyết minh báo cáo thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 của trường mầm non thị trấn Trâu Quỳnh. Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳnh báo cáo Phòng Tài chính và kế hoạch huyện Gia Lâm để nhà trường có cơ sở thực hiện!

Nơi nhận:

- Phòng TC&KH Huyện Gia Lâm.
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Diệu Anh

